



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 132 + 133

Ngày 01 tháng 8 năm 2023

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |            |  |    |
|------------|--|----|
| 07-7-2023- | Quyết định số 2813/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực việc làm thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | 3  |
| 08-7-2023  | Quyết định số 2828/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Hóc Môn.   | 7  |
| 11-7-2023  | Quyết định số 2848/QĐ-UBND về ban hành Đề án xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.   | 19 |

12-7-2023 Quyết định số 2876/QĐ-UBND về phê duyệt “Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý”.

36

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2813/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2023

#### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực việc làm  
thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế xuất  
và công nghiệp Thành phố, Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố,  
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính  
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ  
về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm  
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến  
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ  
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục  
hành chính;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp  
Thành phố tại Tờ trình số 1700/ TTr-BQL ngày 12 tháng 6 năm 2023, ý kiến của  
Trưởng ban Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố tại Công văn số 717/KCNC-  
QLDN ngày 28 tháng 6 năm 2023 và ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương  
binh và Xã hội tại Công văn số 14672/SLĐT BXH-VP ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục:

Thủ tục II.2 tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lao động nước ngoài tại Việt Nam; lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố.

Thủ tục A.A2.1 tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước, việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC VIỆC LÀM**  
**THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP,**  
**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO, SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý khu công nghệ cao Thành phố**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực việc làm</b>						
1	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; - Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố; - Ban Quản lý khu công nghệ cao Thành phố.	450.000 đồng	- Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019; - Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa X, kỳ họp thứ sáu về ban hành mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 03 ngày làm việc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					bản Thành phố Hồ Chí Minh.	

**B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực việc làm</b>						
1	Xác nhận người lao động ngoài nước không thuộc diện cấp giấy phép lao động	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (địa chỉ 35 Nguyễn Bình khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ Luật lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;</li> <li>- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;</li> <li>- Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.</li> <li>- Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa X, kỳ họp thứ sáu về ban hành mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</li> </ul>	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 03 ngày làm việc

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2828/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023**  
**của huyện Hóc Môn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Văn bản số 21/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về hợp nhất Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố (số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016; số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017; số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017; số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018; số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018; số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019; số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019; số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020; số 113/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021; số 58/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022; số 59/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022);

Theo báo cáo và đề xuất, kiến nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5704/TTr-STNMT-QLĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023; Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn tại Tờ trình số 2380/TTr-UBND-TNMT ngày 19 tháng 6 năm 2023.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Hóc Môn với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch 2023.
2. Diện tích thu hồi đất năm 2023.
3. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023.



4. Diện tích đất chưa sử dụng.

*(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Xuân Cường**

## PHỤ LỤC

## KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN HÓC MÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

## 1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm 2023:

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD 2023 (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Hóc Môn	Bà Điểm	Đông Thạnh	Nhị Bình	Tân Hiệp	Tân Thới Nhì	Tân Xuân	Thới Tam Thôn	Trung Chánh	Xuân Thới Đông	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Thượng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>10.917,21</b>	<b>173,77</b>	<b>702,21</b>	<b>1.278,47</b>	<b>844,45</b>	<b>1.194,89</b>	<b>1.723,94</b>	<b>274,63</b>	<b>893,69</b>	<b>177,03</b>	<b>299,22</b>	<b>1.498,03</b>	<b>1.856,88</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>4.876,93</b>	<b>12,27</b>	<b>172,10</b>	<b>603,66</b>	<b>488,57</b>	<b>542,44</b>	<b>693,18</b>	<b>61,62</b>	<b>294,04</b>	<b>24,52</b>	<b>64,60</b>	<b>824,82</b>	<b>1.095,09</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.577,46			144,28		275,83	398,25		1,06		4,11	205,56	548,37
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	278,48						83,38					27,67	167,44
-	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	<i>LUK</i>	1.298,98			144,28		275,83	314,88		1,06		4,11	177,89	380,94
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.326,41	12,27	171,27	393,70	263,09	154,16	108,24	61,24	290,02	21,11	50,62	283,75	516,93

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD 2023 (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Học Môn	Bà Điểm	Đông Thạnh	Nhị Bình	Tân Hiệp	Tân Thới Nhì	Tân Xuân	Thới Tam Thôn	Trung Chánh	Xuân Thới Đông	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Thượng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	928,52		0,00	55,46	220,43	102,88	186,64	0,39	1,22	3,23	9,61	324,73	23,94
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	42,89		0,83	10,22	5,05	8,21	0,05		1,47	0,18	0,26	10,78	5,85
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,64					1,37			0,27				
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>6.039,08</b>	<b>161,50</b>	<b>529,97</b>	<b>674,81</b>	<b>355,23</b>	<b>652,33</b>	<b>1.030,47</b>	<b>213,00</b>	<b>599,65</b>	<b>152,51</b>	<b>234,62</b>	<b>673,21</b>	<b>761,79</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	56,47	0,16				45,02	11,29						
2.2	Đất an ninh	CAN	6,55	0,57			0,25	0,60	0,56					0,98	3,59
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK													
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	62,64											62,64	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	30,78	1,13		7,56	0,08	12,55	0,78	0,89	1,06	0,14	3,70	2,32	0,58
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	351,58	1,80	44,21	35,12	10,81	57,04	45,46	8,63	25,60	3,32	19,69	61,53	38,38
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS													

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD 2023 (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Hóc Môn	Bà Điểm	Đông Thạnh	Nhị Bình	Tân Hiệp	Tân Thới Nhì	Tân Xuân	Thới Tam Thôn	Trung Chánh	Xuân Thới Đông	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Thượng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,16					0,16							
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.115,81	41,96	111,38	172,46	71,41	220,25	785,61	48,02	143,89	38,85	63,63	203,84	214,49
	Đất giao thông	DGT	915,62	25,15	83,36	71,34	63,50	114,21	131,53	33,13	82,16	25,30	34,99	121,67	129,28
	Đất thủy lợi	DTL	279,48	4,08	4,67	17,83		63,57	81,86	0,46	24,83	0,06	3,61	33,10	45,42
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	7,16	0,59	1,34	0,32	0,45	1,94	0,76		0,30		0,07		1,39
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,70	3,17	0,07	0,11	0,16	0,14	0,19	0,18	0,14	0,22	0,32	1,84	0,16
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	658,98	6,15	6,49	11,79	5,18	8,87	552,94	4,95	8,71	2,70	4,40	34,57	12,24
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	6,72			2,10		1,38		0,78	2,46				

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD 2023 (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Học Môn	Bà Điểm	Đông Thạnh	Nhị Bình	Tân Hiệp	Tân Thới Nhì	Tân Xuân	Thới Tam Thôn	Trung Chánh	Xuân Thới Đông	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Thượng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Đất công trình năng lượng	DNL	1,46	0,01	0,21			0,91	0,12		0,01			0,05	0,16
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,50	0,15		0,03	0,13		0,06			0,01			0,12
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	9,22										0,08	0,09	9,05
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	39,97	0,02		39,95									
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	30,40	0,92	1,93	3,38	1,28	7,75	3,88	0,81	1,79	3,37	4,15	0,64	0,50
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	148,39	0,96	13,12	25,13	0,53	21,49	14,19	7,70	23,49	7,08	7,61	11,20	15,89
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,30	0,03									0,27		
	Đất chợ	DCH	10,90	0,73	0,19	0,49	0,18		0,09			0,11	8,14	0,68	0,29
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL													

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD 2023 (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Hóc Môn	Bà Điểm	Đông Thạnh	Nhị Bình	Tân Hiệp	Tân Thới Nhì	Tân Xuân	Thới Tam Thôn	Trung Chánh	Xuân Thới Đông	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Thượng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,75	0,15	0,61	0,44	0,43	0,28	0,15	0,23	0,20	0,16	0,12	0,80	0,18
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	7,13		0,99	3,55			2,00	0,08			0,51		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	3.024,24		372,38	358,96	151,84	307,86	181,58	154,2 <sub>9</sub>	426,72	107,37	146,21	319,35	497,70
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	113,00	113,00											
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,77	2,24	0,32	0,51	1,26	0,84	0,50	0,45	0,35	0,56	0,46	1,96	0,32
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,53	0,12			0,02	0,32	0,02			0,05			
2.17	Đất tín ngưỡng	TIN	6,76	0,37	0,08	1,47	0,36	1,00	0,30	0,42	1,83	0,16	0,09	0,25	0,43
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	192,02			49,95	118,25	0,53						17,36	5,94
2.29	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	10,46					5,88	2,22					2,17	0,19
2.20	Đất phi nông	PNK	47,43			44,79	0,52		0,01			1,90	0,21		

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD 2023 (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Học Môn	Bà Điểm	Đông Thạnh	Nhị Bình	Tân Hiệp	Tân Thới Nhì	Tân Xuân	Thới Tam Thôn	Trung Chánh	Xuân Thới Đông	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Thượng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	nghiệp khác														
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>1,20</b>		<b>0,13</b>		<b>0,65</b>	<b>0,12</b>	<b>0,29</b>						





Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Hóc Môn	Bà Điểm	Đông Thạnh	Nhị Bình	Tân Hiệp	Tân Thới Nhi	Tân Xuân	Thới Tam Thôn	Trung Chánh	Xuân Thới Đông	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Thượng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5) +...+(16) )	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2.4	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,17		0,17										
2.5	Đất ở tại nông thôn	ONT	4,52		0,49			0,28	0,10	0,07	0,37		0,83	1,03	1,35
2.6	Đất ở tại đô thị	ODT	0,47	0,47											

### 3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2023:

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				TT Học Môn	Bà Điểm	Đông Thạnh	Nhị Bình	Tân Hiệp	Tân Thới Nhì	Tân Xuân	Thới Tam Thôn	Trung Chánh	Xuân Thới Đông	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Thượng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
<b>1</b>	<b>Đất NN chuyển sang phi nông nghiệp</b>		<b>164,58</b>	<b>5,67</b>	<b>10,64</b>	<b>35,69</b>	<b>6,09</b>	<b>28,16</b>	<b>2,86</b>	<b>7,51</b>	<b>19,29</b>	<b>1,91</b>	<b>3,53</b>	<b>26,77</b>	<b>16,45</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	86,60	1,59	5,57	27,67	0,48	20,24	0,03	6,13	11,63	0,15	1,11	9,96	2,05
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	18,01	0,15	0,56	2,27	3,31	2,26	0,57	0,72	1,84	0,91	1,00	1,95	2,48
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	59,40	3,94	4,52	5,74	2,31	5,18	2,26	0,66	5,82	0,85	1,42	14,86	11,84
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,57			0,01		0,48							0,08
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		<b>70,30</b>			<b>25,50</b>		<b>5,00</b>			<b>1,62</b>		<b>1,35</b>	<b>8,36</b>	<b>28,47</b>
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây hàng năm	LUA/HNK	8,47					2,28			0,40			1,26	4,53
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	61,83			25,50		2,72			1,22		1,35	7,10	23,94
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>0,12</b>	0,04		0,03				0,05					

**4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:** trên địa bàn Huyện Hóc Môn không có diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2848/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Đề án xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 90-QĐ/TW ngày 6 tháng 12 năm 2022 của Ban Bí thư ban hành Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy Công an Trung ương với các tỉnh ủy, thành ủy thuộc Trung ương về lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong công an tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCA ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công an về quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của công an phường;

Căn cứ Quyết định số 5764/QĐ-BCA-V05 ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Bộ Công an về việc ban hành Bộ tiêu chí tạm thời xây dựng thí điểm “Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị” tại 5 thành phố trực thuộc

*Trung ương, gồm: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng và Cần Thơ;*

*Căn cứ Kế hoạch số 556/KH-BCA-V05 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Bộ Công an về tiếp tục triển khai xây dựng thí điểm “Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị” năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị;*

*Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2045/TTr-SNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 về ban hành Đề án xây dựng công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Nội dung ban hành**

Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Công an Thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận và thành phố Thủ Đức; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Ngô Minh Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **ĐỀ ÁN**

### **Về xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2023)*

## **I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Công an phường là tổ chức công an cấp cơ sở của lực lượng Công an nhân dân; chịu sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân phường và sự chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ của Công an thành phố Thủ Đức, 16 quận thuộc Công an Thành phố. Có nhiệm vụ thực hiện quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, các vi phạm pháp luật trên địa bàn phường, thực hiện quản lý cư trú, làm nòng cốt trong việc vận động Nhân dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Công an phường được chính thức thành lập theo Nghị định số 250/CP ngày 12 tháng 6 năm 1981 của Chính phủ. Đến nay, Thành phố có 249 Công an phường trực thuộc Công an 16 Quận và thành phố Thủ Đức. Qua quá trình phát triển và xây dựng lực lượng Công an phường cơ bản đã tổ chức thực hiện tốt các mặt công tác theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Thông tư số 43/2018/TT-BCA ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công an về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Công an phường.

Triển khai thực hiện xây dựng thí điểm Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị tại 05 thành phố trực thuộc Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương có Công văn số 178-CV/ĐUCA ngày 13 tháng 5 năm 2021 trao đổi thống nhất với Ban Thường vụ 05 Thành ủy về xây dựng thí điểm Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị. Bên cạnh đó, Bộ Công an ban hành Bộ tiêu chí tạm thời xây dựng thí điểm “*Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị*” tại Quyết định số 5764/QĐ-BCA-V05 ngày 13 tháng 7 năm 2021 và Kế hoạch số 556/KH-BCA-V05 ngày 04 tháng 11 năm 2022 về tiếp tục triển khai thực hiện xây dựng thí điểm “*Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị*”. Theo đó, để thực hiện có hiệu quả và triển khai Nghị quyết số 12-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 04 tháng 11 năm

2022, Đảng ủy Công an Trung ương trao đổi Ban Thường vụ Thành ủy tại Công văn số 1145-CV/ĐUCA: ***“tiếp tục triển khai nhân rộng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị tại 05 thành phố trực thuộc Trung ương, mục tiêu mỗi quận xây dựng ít nhất 01 Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị”***.

Trước tình hình các thế lực thù địch, số chống đối chính trị tăng cường hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; tình hình dịch bệnh, biến đổi khí hậu phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân, tác động đến nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở. Hoạt động của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội có xu hướng gia tăng và ngày càng diễn biến phức tạp, nhất là các loại tội phạm hoạt động có tổ chức, tội phạm sử dụng công nghệ cao, xâm phạm sở hữu, ma túy, cờ bạc, chống người thi hành công vụ... Do đó, việc xây dựng, nhân rộng Công an phường điển hình, kiểu mẫu gắn kết chặt chẽ với nâng cao toàn diện chất lượng, hiệu quả hoạt động của Công an phường, xây dựng hình ảnh đẹp của người cán bộ, chiến sĩ Công an tạo môi trường văn minh, an toàn cho Nhân dân ở địa bàn cơ sở, góp phần xây dựng lực lượng Công an phường thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Mặt khác, Đề án xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh nhằm hiện thực hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thi hành pháp luật có liên quan đến an ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở; tăng cường đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới; đẩy mạnh phòng, chống tội phạm. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, góp phần thực hiện thắng lợi các Nghị quyết, Chỉ thị của Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố về xây dựng chính quyền đô thị các cấp.

## **II. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, CƠ SỞ PHÁP LÝ**

### **1. Căn cứ chính trị**

- Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Bộ chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới;

- Quyết định số 90-QĐ/TW ngày 6 tháng 12 năm 2022 của Ban Bí thư ban hành Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy Công an Trung ương với các tỉnh ủy, thành ủy

thuộc Trung ương về lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong công an tỉnh, thành phố;

- Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị;

- Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an Thành phố Hồ Chí Minh thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

## **2. Cơ sở pháp lý**

- Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

- Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh.

- Thông tư số 45/2022/TT-BCA ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an xã, phường, thị trấn;

- Quyết định số 5764/QĐ-BCA-V05 ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Bộ Công an về việc ban hành Bộ tiêu chí tạm thời xây dựng thí điểm “Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị” tại 5 thành phố trực thuộc Trung ương, gồm: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng và Cần Thơ;

- Kế hoạch số 556/KH-BCA-V05 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Bộ Công an về tiếp tục triển khai xây dựng thí điểm “Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị” năm 2023;

- Công văn số 1145-CV/ĐUCA ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Đảng ủy Công an Trung ương về việc xây dựng Công an phường điển hình kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị;

- Kế hoạch số 1409/KH-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU của Thành ủy.

## **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Đến năm 2030, xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh trật tự và văn minh đô thị đối với toàn bộ 249 Công an phường trên địa bàn Thành phố, đảm bảo xây dựng lực lượng Công an phường thực sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Kiện toàn và nâng cao chất lượng toàn diện hoạt động của Công an phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với thể trận an ninh nhân dân vững mạnh ở địa bàn cơ sở, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và xây dựng nếp sống văn minh đô thị; tạo môi trường văn minh, an toàn cho Nhân dân ở địa bàn cơ sở; xây dựng hình ảnh đẹp của người cán bộ, chiến sĩ Công an trong lòng Nhân dân.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Xây dựng thí điểm Công an phường Tân Chánh Hiệp - Quận 12 thành Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh trật tự và văn minh đô thị”.

Trong năm 2021, Ủy ban nhân dân Thành phố đã triển khai chủ trương của Bộ Công an, giao Công an Thành phố lựa chọn xây dựng thí điểm Công an phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12 là đơn vị thí điểm xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh trật tự và văn minh đô thị. Tổ chức điều tra, khảo sát thực trạng Công an phường Tân Chánh Hiệp tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Thành phố phục vụ Đoàn khảo sát của Bộ Công an và Ủy ban nhân dân Thành phố. Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện thí điểm xây dựng Công an phường Tân Chánh Hiệp Quận 12, Công an Thành phố xây dựng Kế hoạch, Đề án, lấy ý kiến đóng góp của Công an các đơn vị, địa phương, chính lý, bổ sung hoàn chỉnh Đề án.

Trong năm 2022, Công an Thành phố thực hiện tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện xây dựng thí điểm đối với Công an phường Tân Chánh Hiệp.

b) Nhân rộng trong toàn địa bàn Thành phố

Trên cơ sở kết quả xây dựng thí điểm điển hình, kiểu mẫu về an ninh trật tự và văn minh đô thị đối với Công an phường Tân Chánh Hiệp tiếp tục tiến hành tổ chức nhân rộng xây dựng:

- Giai đoạn 1: năm 2023 mỗi quận xây dựng ít nhất 01 Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị; riêng thành phố Thủ Đức



xây dựng ít nhất 03 Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị.

- Giai đoạn 2: từ năm 2023 đến năm 2025, ít nhất 30% Công an phường đạt tiêu chí Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị.

- Giai đoạn 3: đến năm 2030 phấn đấu 100% Công an phường đạt tiêu chí Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị.

Việc triển khai thực hiện Đề án phải đảm bảo bám sát chủ trương, chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy - Ban Giám đốc Công an Thành phố; dựa trên bộ tiêu chí của Bộ Công an và các tiêu chí “mở” cần phấn đấu thực hiện trong thời gian tới; đồng thời phải phù hợp với tình hình, đặc điểm của lực lượng Công an Thành phố và địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình triển khai, thực hiện phải đảm bảo tính khoa học, phù hợp với lý luận và thực tiễn tổng thể các mặt, lĩnh vực công tác, có bước đi thích hợp, phân công, phân cấp rõ ràng, gắn với trách nhiệm và đánh giá được kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao tạo được sự đồng tình, ủng hộ của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, lực lượng vũ trang, các ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân Thành phố.

### **3. Phạm vi thực hiện Đề án**

- Trong giai đoạn đến năm 2025: lựa chọn và thực hiện xây dựng mô hình Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh trật tự và văn minh đô thị tại 75/249 Công an phường thuộc Công an Thành phố hoàn thành việc xây dựng điển hình kiểu mẫu về về an ninh trật tự và văn minh đô.

- Trong giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030: hoàn thành 100% việc xây dựng mô hình Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh trật tự và văn minh đô thị tại 249 Công an phường thuộc Công an Thành phố.

## **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**1. Tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị.**

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát huy sức mạnh tổng hợp, nâng cao trách nhiệm cả hệ thống chính trị và của Nhân dân Thành phố trong đảm bảo an ninh, trật tự, xây

dựng Công an Thành phố nói chung và lực lượng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị nói riêng.

- Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao chất lượng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đẩy mạnh thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng chính đồn Đảng gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, đồng thời thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Ban Thường vụ Thành ủy, Kế hoạch số 118-KH/ĐUCA ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Đảng ủy Công an Trung ương về thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới... nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ Công an phường. Tăng cường thông tin, tuyên truyền về hoạt động của lực lượng Công an phường theo hướng gần gũi, sâu sắc với tinh thần “lúc dân cần, lúc dân khó có Công an” nhằm lan tỏa sâu rộng hình ảnh đẹp của lực lượng Công an trong lòng Nhân dân.

- Nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, phát huy sức mạnh tổng hợp, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, cả hệ thống chính trị trong xây dựng lực lượng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị. Xây dựng Chi bộ Công an phường đủ sức lãnh đạo thực hiện thắng lợi nghị quyết, chương trình công tác đã đề ra. Hàng năm được Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường đánh giá là tập thể chi bộ, đơn vị làm tốt công tác tham mưu, phối hợp hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn.

## **2. Xây dựng Công an phường trong sạch, vững mạnh, điển hình, kiểu mẫu về văn hóa, văn minh đô thị, chấp hành điều lệnh Công an nhân dân**

Xây dựng tổ chức bộ máy Công an phường hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ chiến sĩ Công an phường đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng về phẩm chất chính trị, trình độ nghiệp vụ, năng lực công tác đáp ứng các yêu cầu đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và cuộc sống bình yên của Nhân dân.

Hàng năm, Chi bộ Công an phường đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” được Đảng ủy cơ sở xét tặng giấy khen “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, chỉ tiêu thi đua

phải đạt “Hoàn thành vượt mức dẫn đầu”, đơn vị đạt danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng” và được công nhận “Đơn vị văn hóa, gương mẫu chấp hành Điều lệnh Công an nhân dân”; 100% cán bộ chiến sĩ Công an phường được phân loại cán bộ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

Thực hiện đúng mô hình tổ chức, đủ biên chế; cán bộ chiến sĩ đảm bảo về tiêu chuẩn chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức pháp luật và lý luận chính trị; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định; thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử của Công an nhân dân.

### **3. Đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí, trang thiết bị, phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ**

Đảm bảo có đủ diện tích đất xây dựng trụ sở làm việc và diện tích đất phục vụ sinh hoạt của cán bộ chiến sĩ; khuôn viên, trụ sở làm việc được xây dựng đủ về diện tích, đúng mẫu, đúng thiết kế, đủ công năng hoạt động theo quy định, hợp lý, tiện ích, an toàn, toàn diện, không gian thoáng mát, khang trang, sạch đẹp, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Được trang bị đủ theo tiêu chuẩn, định mức về phương tiện chuyên dùng, thiết bị nghiệp vụ, vũ khí, công cụ hỗ trợ, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh trật tự ở mọi nơi, mọi lúc và trong mọi tình huống. Được đảm bảo đủ kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí nghiệp vụ theo quy định, có hoạt động tăng gia cải thiện đời sống vật chất cho cán bộ chiến sĩ trong điều kiện có thể, đúng quy định.

### **4. Thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, an toàn phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn**

Quản lý chặt chẽ về ngành nghề kinh doanh, đầu tư có điều kiện, phòng cháy chữa cháy, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và nhân, hộ khẩu; thực hiện nghiêm các quy định về quản lý cư trú và hoạt động của người nước ngoài, văn phòng đại diện có người nước ngoài lưu trú trên địa bàn; thường xuyên cập nhật, bổ sung thông tin của công dân vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”; kịp thời phát hiện những sơ hở, bất cập về chính sách, pháp luật để đề xuất, kiến nghị, bổ sung, chỉnh sửa; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật theo chức năng, thẩm quyền. Không để xảy ra vụ việc về cháy, nổ, tai nạn giao thông từ rất nghiêm trọng trở lên (trừ trường hợp bất khả kháng); không để xảy ra tình trạng đua xe trái phép trên địa bàn và không có đối tượng tham gia đua xe. 100% hộ gia đình, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh, cơ sở được phân cấp quản lý kiểm tra an

toàn phòng cháy, chữa cháy (kiểm tra định kỳ 01 năm 01 lần) đảm bảo có lối thoát nạn thứ 2, trang bị bình chữa cháy xách tay, dụng cụ phá dỡ thô sơ.

Tham mưu Ủy ban nhân dân phường nhằm thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về tôn giáo, dân tộc; thường xuyên chăm lo đến việc thực hiện các chính sách về tôn giáo, dân tộc, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức, chức sắc, tín đồ tôn giáo hoạt động đúng tôn chỉ mục đích trên cơ sở tuân thủ pháp luật; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hoạt động lợi dụng tôn giáo, dân tộc để hoạt động trái pháp luật gây phức tạp về an ninh, trật tự.

### **5. Thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm**

Tập trung nâng cao hiệu quả công tác nghiệp vụ cơ bản, quản lý chặt chẽ các hệ, loại đối tượng; nâng cao chất lượng công tác tiếp nhận, xử lý, tố giác tin báo tội phạm.

Tổ chức trực ban, tiếp nhận tố giác, tin báo tội phạm, 100% tố giác, tin báo tội phạm được tiếp nhận, xử lý theo quy định; chủ động phát hiện, bắt giữ, tiếp nhận người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã, người phạm tội đang lẩn trốn, người trốn thi hành án, trốn cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trường giáo dưỡng và giải quyết các trường hợp cụ thể khác trong công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

Không để xảy ra tội phạm các loại từ nghiêm trọng trở lên, lỗi cố ý, do công dân thường trú hoặc đăng ký tạm trú gây ra; kéo giảm ít nhất 06% tội phạm về trật tự xã hội so với năm trước, không có tụ điểm phức tạp về hình sự, ma túy, tệ nạn xã hội, các vụ việc phức tạp về tài nguyên, môi trường, an toàn thực phẩm trên địa bàn hoặc nếu có giảm ít nhất 50% so với năm trước và không có phát sinh mới.

Không để xảy ra các vụ phạm tội về kinh tế, buôn lậu, gian lận thương mại, cơ sở sản xuất kinh doanh, tàng trữ, mua bán hàng giả, hàng cấm với số lượng lớn hoặc tái phạm; nếu có phải kịp thời phát hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định. Số người nghiện ma túy giảm ít nhất 15% so với năm trước, không phát sinh thêm người nghiện mới; số đối tượng trốn các loại, phải được truy bắt thành công hoặc vận động đầu thú tăng ít nhất 20% so với năm trước. Không có tội phạm hoạt động manh động, hoạt động phạm tội có tổ chức, hoạt động theo dạng “xã hội đen”; nếu có phải kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý.

Chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân phường và phối hợp quản lý, giám sát chặt chẽ 100% đối tượng các loại tại địa bàn theo quy định, đúng trách nhiệm và

thẩm quyền. Tỷ lệ tái phạm trong số người chấp hành xong án phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện và các loại đối tượng khác trong diện quản lý tại địa bàn dân cư hằng năm dưới 1,5%.

Chủ trì, phối hợp với các lực lượng dân quân tự vệ, bảo vệ dân phố, dân phòng bảo vệ tuyệt đối an toàn đối tượng cảnh vệ và các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng theo quy định. Không để xảy ra sự kiện bất ngờ về chính trị, bạo loạn, khủng bố, chống đối các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phá hoại khối đoàn kết dân tộc, nếu có phải kịp thời phát hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Tổ chức hoặc tham mưu, phục vụ việc tổ chức tiếp công dân theo đúng quy định của pháp luật. Tổ chức giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, không để tồn đọng, phát sinh phức tạp kéo dài. Địa bàn phường không có khiếu nại, tố cáo tập trung đông người, vượt cấp trái pháp luật (trừ trường hợp bất khả kháng), nếu có phải phối hợp giải quyết kịp thời theo quy định chung, không để ảnh hưởng phức tạp đến an ninh, trật tự trên địa bàn.

## **6. Thực hiện hiệu quả công tác xây dựng phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” và toàn dân phòng cháy, chữa cháy**

Tham mưu, đề xuất, thực hiện hiệu quả công tác xây dựng phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, trong đó có nhiều hoạt động nổi bật, có tính khả thi cao, hiệu quả thiết thực về ban hành chủ trương biện pháp, về các mô hình hay, việc làm sáng tạo được đông đảo quần chúng Nhân dân hưởng ứng tham gia mang tính tự giác và tự nguyện, được cấp ủy, chính quyền địa phương và Công an cấp trên đánh giá cao, đồng tình ghi nhận. Trong năm, Nhân dân và cán bộ phường được Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Bộ Công an tặng Bằng khen trở lên về thành tích trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” và toàn dân phòng cháy, chữa cháy.

Tham mưu Ủy ban nhân dân phường thường xuyên chăm lo xây dựng, kiện toàn lực lượng bảo vệ dân phố, dân phòng, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp theo quy định; không có tổ chức, cá nhân trong lực lượng bảo vệ dân phố, dân phòng vi phạm kỷ luật. 90% khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục trở lên trên địa bàn được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”. Trong công tác nắm tình hình ở địa bàn cơ sở được cấp ủy, chính quyền và Công an cấp trên đánh giá thường xuyên chủ động, mọi vụ việc về an ninh, trật tự ở cơ sở được giải quyết kịp thời và đảm bảo chế độ thông tin báo cáo,

Thực hiện tốt các mô hình phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và mô hình “Dân vận khéo” của Công an nhân dân, có ít nhất 02 mô hình quần chúng tự quản về an ninh, trật tự và 01 mô hình “Dân vận khéo” theo Tiêu chí 16 được cấp trên đánh giá là hoạt động có chất lượng. Tham mưu duy trì tổ chức có hiệu quả “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” và diễn đàn “Công an lắng nghe ý kiến Nhân dân”; 100% ý kiến đóng góp của Nhân dân đối với lực lượng Công an phải được giải quyết kịp thời hoặc đề xuất giải quyết kịp thời.

Có 90% khu phố thuộc phường có điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao, hoạt động thường xuyên, hiệu quả; 90% hộ gia đình trở lên thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và nếp sống văn minh đô thị theo các quy định của trung ương, địa phương và quy ước của khu phố; 100% khu dân cư thành lập, kiện toàn và duy trì hoạt động của đội dân phòng đảm bảo hoạt động thực chất hiệu quả. Tổ chức xây dựng và nhân rộng mô hình tổ liên gia an toàn phòng cháy chữa cháy, điểm chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ công cộng.

Có 100% khu phố (hoặc tương đương) xây dựng và thực hiện tốt quy ước cộng đồng, các vụ việc mâu thuẫn, bất hòa trong nội bộ Nhân dân được kịp thời giải quyết ngay tại cơ sở; 100% hộ gia đình sinh sống ven các tuyến đường giao thông công cộng có cam kết và thực hiện không lấn chiếm lòng đường, vỉa hè, đặt biển quảng cáo sai quy định.

Đảm bảo vệ sinh môi trường, thu gom rác thải theo quy định; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn phường đạt tiêu chuẩn quy định về môi trường và an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất, nuôi trồng, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu thực phẩm); tham mưu Ủy ban nhân dân phường làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

#### **7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin báo cáo, công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự**

Nâng cao chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự; cải tiến lề lối, phương pháp làm việc hiệu quả “vì Nhân dân phục vụ”. 100% thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết được công khai tại đơn vị theo quy định; 100% thủ tục hành chính được giải quyết đúng thời hạn, trong đó 10% trở lên được giải quyết trước thời hạn.

Tổ chức tiếp công dân theo đúng quy định của pháp luật; giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, không để tồn đọng, phát sinh phức tạp kéo dài. Địa bàn phường không có khiếu nại, tố cáo tập trung đông người, vượt cấp trái pháp luật; kịp thời phối hợp giải quyết theo quy định chung, không để ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn.

Giữ đúng lễ tiết tác phong của người cán bộ Công an nhân dân khi làm nhiệm vụ tiếp dân, nêu cao trách nhiệm phục vụ Nhân dân, giữ vững kỷ cương, kỷ luật hành chính theo quy định. Không có đơn, thư phản ánh về tinh thần, thái độ không đúng mực, có hành vi tiêu cực, tham nhũng của cán bộ chiến sỹ Công an khi thi hành nhiệm vụ và khi tiếp xúc giải quyết thủ tục hành chính với Nhân dân hoặc nếu có nhưng được cơ quan có thẩm quyền kết luận là đơn phản ánh không đúng.

Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, phải đúng, đầy đủ và kịp thời theo quy định. Việc cung cấp, trao đổi thông tin với các đội nghiệp vụ của Công an quận và các cơ quan, đơn vị trong và ngoài phường phải đảm bảo kịp thời, hiệu quả phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ.

## **V. ĐIỀU CHUYỂN TÀI SẢN CÔNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

### **1. Điều chuyển tài sản công là nhà, đất và trụ sở làm việc Công an phường (tài sản chuyên dùng) từ Ủy ban nhân dân Thành phố sang Bộ Công an quản lý**

Công an Thành phố hiện có 249 Công an phường đang sử dụng 257 vị trí nhà, đất trụ sở làm việc, có 08 Công an phường sử dụng 02 vị trí trụ sở làm việc (Công an phường Võ Thị Sáu, Quận 3; Công an Phường 14, Quận 4; Công an Phường 2, Công an Phường 12 Quận 5; Công an Phường 4, Công an Phường 6 Quận 6; Công an Phường 2, Quận 10 và Công an phường An Khánh, thành phố Thủ Đức). Có 02/249 Công an phường sử dụng vị trí đất an ninh do Bộ Công an quản lý và giao Công an Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng (Công an phường 9, Quận 5 và Công an phường 1, Quận 8) và 247/249 Công an phường còn lại là tài sản của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và 16 quận quản lý, bố trí trụ sở làm việc.

Công an Thành phố phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và 16 quận tham mưu Bộ Công an báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất an ninh đối với đất trụ sở Công an phường theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quy hoạch hoặc xin chủ trương về việc bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất an

ninh đối với trụ sở Công an phường chưa có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất an ninh.

Công an Thành phố tiếp tục phối hợp Thường trực Ban Chỉ đạo 167 Thành phố (Sở Tài chính), Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và 16 quận tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với trụ sở Công an các phường đang làm việc độc lập với trụ sở Ủy ban nhân dân phường theo phương án điều chuyển từ Ủy ban nhân dân Thành phố sang cho Bộ Công an quản lý và trình Bộ Tài chính xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ Công an và Ủy ban nhân dân Thành phố.

## **2. Kinh phí thực hiện Đề án**

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án: được chi từ nguồn ngân sách của Bộ Công an, Ủy ban nhân dân Thành phố, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Đối với ngân sách địa phương, tùy vào khả năng cân đối ngân sách, địa phương sẽ hỗ trợ kinh phí tổ chức triển khai thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Kinh phí cụ thể để triển khai Đề án sẽ được tính toán trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt các dự án theo đúng quy định của pháp luật, trong đó phân kỳ:

Giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2025: đạt chỉ tiêu khoảng 30% trụ sở Công an phường được đầu tư xây mới, cải tạo sửa chữa, trang bị phương tiện, thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn, định mức.

Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030: đạt chỉ tiêu 100% trụ sở Công an phường được đầu tư xây mới, cải tạo sửa chữa, trang bị phương tiện, thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn, định mức.

## **VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

### **1. Công an Thành phố**

- Bám sát chỉ đạo, hướng dẫn của Đảng ủy Công an Trung ương, chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan, chủ động tham mưu triển khai thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Quận ủy, Ủy ban nhân dân Quận 12 triển khai thực hiện tốt công tác thi điểm xây dựng Công an phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12 theo phương án đã báo cáo Bộ Công an.



- Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị của Bộ Công an đề xuất quy hoạch đất an ninh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cho kỳ quy hoạch mới 2021 - 2030.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Công an quận, thành phố Thủ Đức trong việc sắp xếp, bố trí cán bộ, chiến sĩ đảm bảo theo các tiêu chí đề ra.

- Giải quyết chế độ, chính sách cho các trường hợp không đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh theo quy định.

- Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án và Cơ quan thường trực theo dõi thực hiện xây dựng thí điểm và nhân rộng Công an Phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh trật tự và văn minh đô thị; phân công trách nhiệm và triển khai thực hiện các nhóm giải pháp; tổ chức kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuộc Công an Thành phố có liên quan khẩn trương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo đúng mục đích, yêu cầu đề ra.

- Phối hợp với các Cục nghiệp vụ của Bộ Công an và các Trường Công an nhân dân tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng Công an phường.

- Hàng năm phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự toán, nguồn vốn thực hiện Đề án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **2. Sở Tài chính**

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an Thành phố, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí để tổ chức triển khai thực hiện Đề án theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Phối hợp Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và 16 quận tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với trụ sở Công an các phường đang làm việc độc lập với trụ sở Ủy ban nhân dân phường theo phương án điều chuyển từ Ủy ban nhân dân Thành phố sang cho Bộ Công an quản lý và trình Bộ Tài chính xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ Công an và Ủy ban nhân dân Thành phố.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Trên cơ sở đề xuất của Công an Thành phố, căn cứ vào khả năng cân đối vốn đầu tư ngân sách thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Sở Tài chính và các sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí vốn cho các dự án đầu tư công thuộc Đề án theo quy định.

#### **4. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Phối hợp Công an Thành phố, Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các đơn vị chuyên môn tham mưu đề xuất công tác lập quy hoạch đất an ninh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo phân kỳ.

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công nhận quyền sử dụng đất an ninh và cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trụ sở Công an phường làm việc độc lập (sau khi trụ sở Công an phường được điều chuyển sang cho lực lượng Công an quản lý và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030).

- Chủ trì, phối hợp Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và 16 quận đảm bảo các trình tự, thủ tục về đất đai để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí quỹ đất sạch cho Công an Thành phố đầu tư xây dựng trụ sở làm việc riêng cho các Công an phường đang làm việc chung trụ sở Ủy ban nhân dân phường.

#### **5. Sở Quy hoạch - Kiến trúc**

Phối hợp Công an Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và 16 quận tham mưu Bộ Công an báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất an ninh đối với đất trụ sở Công an phường theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quy hoạch hoặc xin chủ trương về việc bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất an ninh đối với 247 trụ sở Công an phường chưa có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất an ninh.

#### **6. Sở Xây dựng**

Phối hợp Công an Thành phố và các đơn vị liên quan thực hiện lập hồ sơ thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án và hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Công an phường theo đúng quy định của Luật đầu tư công và quy định pháp luật khác có liên quan.

#### **7. Sở Văn hóa và Thể thao**

Chủ trì, phối hợp cùng các đơn vị liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và 16 quận công nhận phường đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

#### **8. Ủy ban nhân dân các quận, thành phố Thủ Đức**

- Ủy ban nhân dân Quận 12 phối hợp với Công an Thành phố tiếp tục triển khai thực hiện xây dựng thí điểm Công an phường Tân Chánh Hiệp theo nội dung Đề án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và 16 quận chủ động phối hợp các đơn vị liên quan, triển khai thực hiện Đề án khi nhân rộng ra trên toàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hàng năm bố trí dự toán ngân sách đối với những nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân địa phương chỉ đạo thực hiện.

- Đảm bảo các trình tự, thủ tục về đất đai để bố trí quỹ đất xây dựng trụ sở làm việc riêng cho Công an phường.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giao Công an Thành phố là đơn vị thường trực, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và 16 quận thực hiện Đề án; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và 16 quận căn cứ nội dung, nhiệm vụ được nêu trong Đề án tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, định kỳ báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân Thành phố (qua Công an Thành phố trước ngày 15 tháng 11 hàng năm để tập hợp, báo cáo).

3. Thời gian thực hiện đến năm 2030 kết thúc. Hàng năm, tổ chức sơ kết đánh giá kết quả những mặt làm được, chưa được, kiến nghị giải quyết, khắc phục vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện Đề án.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương trao đổi bằng văn bản về Công an Thành phố để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2876/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt “Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý”**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 3729/QĐ-BNN-TCTL ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tờ trình số 1769/TTr-*

*SNN ngày 23 tháng 6 năm 2023 về phê duyệt “Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý”.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt “Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý” (*Đề án đính kèm*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **ĐỀ ÁN**

**Tăng cường bảo vệ chất lượng nước công trình thủy lợi do  
Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý**  
(Kèm theo Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

### **I. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch cấp nước Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Quyết định số 3729/QĐ-BNN-TCTL ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt “Quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025”;

Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt điều chỉnh Đề án phát triển mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện Đề án phát triển mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Đề án phát triển hệ thống cấp nước Thành phố giai đoạn 2020 - 2050 và Chương trình cung cấp nước sạch và chấm dứt khai thác nước ngầm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2030;

Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2020 - 2030;

Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân

Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Công văn số 5157/UBND-KT ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chấp thuận chủ trương xây dựng Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý.

## **II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**

### **1. Mục tiêu chung**

Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý khai thác sử dụng và bảo vệ nguồn nước các hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố đảm bảo phục vụ đa mục tiêu, phát triển kinh tế xã hội.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Quan trắc, giám sát chất lượng nước công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đề xuất chỉ tiêu cần đạt được đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 nhằm bảo vệ, phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm và suy thoái chất lượng nước trong công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố.

- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý bảo vệ nguồn nước các hệ thống công trình thủy lợi, kiểm soát nguồn thải, giám sát chặt chẽ và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm về xả nước thải vào công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố, đặc biệt là hệ thống thủy lợi kênh Đông Củ Chi phục vụ đa mục tiêu cấp nước thô cho sinh hoạt, tưới tiêu sản xuất nông nghiệp và hệ thống thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh chức năng tưới tiêu sản xuất nông nghiệp, cải thiện môi trường sinh thái và chất lượng nguồn nước.

- Đề xuất các giải pháp tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ nguồn nước các hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố.

## **III. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

Những năm gần đây, tình trạng ô nhiễm, suy giảm chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng trở nên nghiêm trọng. Việc bảo vệ chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi



đang phải đối mặt với nhiều thách thức từ tác động của quá trình phát triển, đô thị hóa và công nghiệp hóa, phát triển cơ sở hạ tầng,... trong khi đó, nguồn lực kinh tế để xử lý nước thải và chất thải chưa đủ đáp ứng; ý thức chấp hành pháp luật thủy lợi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chưa cao; tình hình vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi có chiều hướng gia tăng và ngày càng phức tạp.

Nước thải, chất thải từ các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, các khu dân cư, khu công nghiệp chưa qua xử lý hoặc xử lý nhưng chưa đạt quy chuẩn quy định xả vào công trình thủy lợi đã làm ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân trong khu vực. Sự phát triển kinh tế và quá trình đô thị hóa đã đặt ra nhiều yêu cầu mới cho các hệ thống công trình thủy lợi, đặc biệt trong mùa khô hằng năm, công tác vận hành ngoài nhiệm vụ điều tiết nước phục vụ tưới tiêu, ngăn mặn, xô phèn, phòng chống cháy rừng, công trình còn có nhiệm vụ điều tiết nước giảm thiểu ô nhiễm do nguồn thải từ các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, các khu dân cư, khu công nghiệp xả vào công trình thủy lợi.

Bên cạnh đó, thực hiện Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt đề án phát triển hệ thống cấp nước Thành phố giai đoạn 2020 - 2050 và chương trình cung cấp nước sạch và chấm dứt khai thác nước ngầm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2030, cần có những giải pháp để đảm bảo nguồn nước thô - an ninh nguồn nước đáp ứng nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt của Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn nước hồ Dầu Tiếng thông qua hệ thống công trình thủy lợi kênh Đông Củ Chi đến năm 2050.

Trước tình hình đó, Thành phố cần có những giải pháp cấp bách nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý khai thác sử dụng và bảo vệ nguồn nước các hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ đa mục tiêu, phát triển kinh tế xã hội đáp ứng lâu dài nhu cầu sử dụng nước hiện tại và bền vững trong tương lai thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

Thực hiện Quyết định số 344/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủy lợi, Quyết định số 3729/QĐ-BNN-TCTL ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt “Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý”; trong đó, đưa ra quan điểm việc bảo vệ chất lượng nước công trình thủy lợi là vấn đề quan trọng, cấp bách, cần thực hiện đồng bộ và thống nhất theo hệ thống, đòi hỏi sự phối hợp, chỉ đạo chặt chẽ từ các Bộ, ngành cũng như sự tham gia của chính quyền các cấp và nhân dân địa

phương.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, việc xây dựng “Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý” là rất quan trọng và cần thiết.

#### **IV. NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

Nội dung cơ bản của Đề án gồm 03 nội dung chính như sau:

##### **1. Đánh giá hiện trạng hệ thống công trình thủy lợi**

Hệ thống thủy lợi kênh Đông Củ Chi có tổng chiều dài kênh tưới tiêu các cấp 630 km gồm: 11km kênh chính, 140km kênh loại II (cấp 1 và 2), 480 km kênh loại III (cấp 3, 4 và nội đồng) và trên 1.950 công trình xây đúc các loại trên kênh. Diện tích phục vụ (tưới, tiêu) theo thiết kế 12.000 ha, diện tích thực tế là 8.200 ha, diện tích phục vụ lâu dài ước còn khoảng 6.000 - 8.000 ha. Diện tích giảm chủ yếu do xây dựng các khu công nghiệp Tân Phú Trung, khu đô thị Tây Bắc Củ Chi, Khu thảo cầm viên Sài Gòn, Xí nghiệp may Sài Gòn 2, Khu xử lý chất thải rắn Thành phố. Hệ thống thủy lợi kênh Đông Củ Chi có nhiệm vụ đảm bảo đủ nước tưới ổn định cho nông nghiệp, đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp lưu lượng từ 220.000 - 250.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm cho Nhà máy nước kênh Đông và Xí nghiệp cấp nước Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi với lưu lượng từ 3.500 - 4.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Đây là hệ thống công trình có quy mô lớn và mang lại hiệu quả cao, đặc biệt là đối với huyện Củ Chi.

Hệ thống thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh là hệ thống công trình lớn với quy mô thiết kế ban đầu gồm: 13 cống đập chính, 7 trục kênh chính tổng chiều dài 70km, 122 kênh cấp 1 tổng chiều dài 122 km, 457 kênh cấp 2 tổng chiều dài 306km; tổng chiều dài đê bao ngăn lũ 43km, tổng chiều dài kênh mương tưới tiêu các cấp 498km, hơn 600 công trình xây đúc các loại. Hệ thống thủy lợi có nhiệm vụ ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng, xở phèn, cải tạo đất, tưới, tiêu theo triều phục vụ sản xuất nông nghiệp kết hợp giao thông nội đồng. Diện tích phục vụ ban đầu bao gồm cả phần tỉnh Long An là 12.197 ha, diện tích trên địa bàn thành phố là 9.700 ha. Đến nay, diện tích phục vụ chỉ vào khoảng 8.750ha/9.700 ha (lâu dài còn khoảng 5.000 ha) do tình hình phát triển các khu công nghiệp, khu dân cư.

Hệ thống thủy lợi Tân Thạnh Đông huyện Củ Chi có nhiệm vụ tưới, tiêu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp là 673 ha.

Hệ thống thủy lợi đê bao bờ hữu sông Sài Gòn từ sông Vàm Thuật đến cầu Bến Súc có tổng chiều dài 64.108 m và bờ bao các rạch nội đồng 123.559 m, được chia thành 08 dự án công trình thủy lợi (đến nay đã hoàn thành 04 dự án và đang triển khai thực hiện 04 dự án), có nhiệm vụ ngăn triều, chống ngập, phục vụ tưới, tiêu cho khoảng 11.721 ha.

Hệ thống thủy lợi Cây Xanh - Bà Bếp có nhiệm vụ tưới, tiêu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp 904 ha.

Ngoài các công trình thuộc hệ thống thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh, trên địa bàn huyện Hóc Môn còn có 72 tuyến kênh, rạch với tổng chiều dài 59.588 km có chức năng tiêu thoát nước và 188 tuyến kênh, rạch với tổng chiều dài 101,166 km phục vụ sản xuất nông nghiệp cho 3.777 ha (1.057 ha lúa; 2.115 ha cây hàng năm; 605 ha cây lâu năm).

Hệ thống thủy lợi Nam Bình Chánh thuộc huyện Bình Chánh gồm công trình thủy lợi rạch Cầu Già và những công trình lân cận: Hóc Huru - Quy Đức, Đa Phước, Phong Phú, tam giác Tân Nhật,... hầu hết những công trình này đều kết hợp với giao thông nông thôn và có chức năng ngăn mặn, ngăn lũ, giữ ngọt, tạo nguồn cấp nước cho sản xuất, tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp khoảng 3.861 ha, gồm 108 tuyến kênh rạch với tổng chiều dài khoảng 130 km, 32 tuyến đê bao bờ bao với tổng chiều dài khoảng 119 km.

Hệ thống thủy lợi huyện Cần Giờ: hệ thống thủy lợi khu vực 4 xã phía Bắc huyện Cần Giờ (xã Bình Khánh, Tam Thôn Hiệp, Lý Nhơn, An Thới Đông) có nhiệm vụ cấp nước phục vụ nuôi tôm, kết hợp các bờ bao ngăn mặn và hệ thống kênh làm giao thông thủy, bộ trong khu vực, gắn vùng sản xuất với dân cư, kết nối hệ thống giao thông trong khu vực, giúp người dân thuận tiện trong việc đi lại, vận chuyển sản phẩm thu hoạch nhanh hơn trước đây giảm thiểu được chi phí, nâng cao giá trị tiêu thụ thị trường. Hệ thống kênh, bờ bao kết hợp ranh giới với rừng sinh thái, xử lý lắng đọng chất thải, ngăn ô nhiễm... góp phần bảo vệ và cải tạo môi trường, phục vụ nhu cầu sản xuất hơn 3.500 ha của khu vực.

Nhìn chung, các hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư đã đóng góp tích cực trong việc cải tạo đất phèn vùng ngoại thành, đặc biệt vùng đất hoang hóa trũng phèn phía Tây Nam thành phố, ngăn lũ, ngăn mặn, giữ ngọt, tận dụng nước triều theo mùa để khai thác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, công trình thủy lợi hiện nay còn phục vụ đa mục tiêu, phục vụ lợi ích tổng hợp theo nhu cầu xã hội như: cung cấp

nước phục vụ sản xuất công nghiệp, sinh hoạt, phòng chống úng ngập, phục vụ nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường, sinh thái... góp phần phát triển kinh tế - xã hội trong vùng hưởng lợi.

## **2. Đánh giá thực trạng công tác quản lý, khảo sát nhu cầu dùng nước của các tổ chức và cá nhân, điều tra nguồn thải và đánh giá diễn biến chất lượng nguồn nước công trình thủy lợi**

### 2.1. Đánh giá thực trạng công tác quản lý, bảo vệ chất lượng nguồn nước công trình thủy lợi

Trong thời gian qua, công tác quản lý, bảo vệ chất lượng nguồn nước công trình thủy lợi đã được các cơ quan quản lý ở trung ương và địa phương, các đơn vị trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi triển khai thực hiện, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, chất lượng nước trong nhiều hệ thống công trình thủy lợi vẫn có chiều hướng suy giảm ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất, sinh hoạt của nhân dân, kết quả xử lý các hành vi vi phạm về xả nước thải vào công trình thủy lợi còn thấp, hiệu quả chưa cao.

Các hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố phần lớn được hình thành, phát triển qua thời gian dài, nằm trong vùng canh tác nông nghiệp, xen lẫn trong đó là các khu dân cư tập trung, các khu công nghiệp và vùng nông thôn. Trong các vùng dân cư tập trung ngoài ruộng canh tác còn có các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, đa dạng các ngành nghề tự phát. Chất thải từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt không được xử lý mà xả trực tiếp vào hệ thống công trình thủy lợi. Việc lạm dụng hóa chất, thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước hệ thống công trình thủy lợi.

Nhằm ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm về xả nước thải vào công trình thủy lợi, các cơ quan chức năng, các đơn vị trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi đã tích cực phối hợp với chính quyền địa phương thường xuyên kiểm tra hiện trạng công trình, giám sát chặt chẽ các nguồn xả thải, phát hiện và ngăn chặn kịp thời hành vi xả nước thải không phép vào công trình thủy lợi, báo cáo cơ quan chức năng, đề nghị kiểm tra, xử lý theo đúng quy định pháp luật; phối hợp với cơ quan truyền thông thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, tình hình ô nhiễm nguồn nước trong hệ thống; thực hiện nạo vét lòng kênh, khơi thông dòng chảy, xây dựng quy trình vận hành các cống xả vào kênh trục, tăng cường lấy nước sông ... nhằm giảm thiểu ô nhiễm.

Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được, công tác quản lý, bảo vệ chất lượng nguồn nước công trình thủy lợi vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập. Vai trò của các ngành chức năng, các địa phương, các đơn vị trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi chưa được phát huy đúng mức. Hệ thống chế tài chưa đủ mạnh: hình thức xử lý vi phạm trong thời qua chủ yếu là lập biên bản, nhắc nhở và phạt cảnh cáo, xử phạt, thiếu biện pháp xử lý mạnh như cưỡng chế, thu hồi, xử lý hình sự. Lực lượng cán bộ thực hiện kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm xả thải ở các địa phương còn hạn chế; thiếu công nghệ, thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý chất lượng nước. Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, đặc biệt là việc bảo vệ chất lượng nước chưa được các địa phương quan tâm đúng mức.

Ngoài ra, quy trình vận hành hệ thống chủ yếu phục vụ tưới tiêu và thường được xây dựng cho các công trình đầu mối và hệ thống kênh trục chính, chưa tính đến vận hành các công trình tiêu nước thải để giảm thiểu ô nhiễm. Nhiều công trình được xây dựng đã lâu, qua thời gian dài sử dụng đã bị xuống cấp do thiếu kinh phí duy tu, bảo dưỡng, nhiều đoạn kênh, rạch bị bồi lắng làm hạn chế khả năng dẫn nước, hệ thống thủy lợi chung đường cấp và thoát nước, thiếu dòng chảy môi trường v.v... cũng là nguyên nhân làm gia tăng ô nhiễm nước.

## 2.2. Kết quả khảo sát nhu cầu dùng nước của các tổ chức và cá nhân

### a) Nhu cầu của người dân

Trong 907 hộ dân được khảo sát, có 846 hộ dân sử dụng nước từ các công trình thủy lợi, các hộ còn lại sử dụng nước thủy cục hoặc kết hợp sử dụng nước thủy cục và nước từ các công trình thủy lợi. Kết quả khảo sát 846 hộ dân sử dụng nước từ các công trình thủy lợi: có 840 hộ nhận xét chất lượng nước sử dụng được cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp, 06 hộ nhận xét chất lượng nước bị ô nhiễm. Nguyên nhân chính ảnh hưởng đến chất lượng nước theo nhận xét của các hộ dân là do nước thải của các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, nước thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, nước thải sinh hoạt. Bên cạnh đó, chất lượng nước còn bị ảnh hưởng bởi tình trạng xả rác thải của người dân xuống kênh rạch, công trình thủy lợi.

Kết quả khảo sát khả năng đáp ứng về chất lượng nước của các hệ thống công trình thủy lợi cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp cụ thể như sau:

- Hệ thống thủy lợi Kênh Đông Củ Chi (*144 phiếu khảo sát*): có 125 hộ dân nhận xét chất lượng nước kênh sử dụng được cho hoạt động trồng trọt, 09 hộ dân nhận xét sử dụng được cho nuôi trồng thủy sản, 08 hộ dân nhận xét sử dụng được cho

chăn nuôi, 01 hộ dân nhận xét sử dụng được cho lâm nghiệp và 01 hộ dân nhận xét sử dụng được cho hoạt động sản xuất nông nghiệp khác.

- Hệ thống thủy lợi Tân Thạnh Đông - Củ Chi (122 phiếu khảo sát): có 112 hộ dân nhận xét chất lượng nước kênh sử dụng được cho trồng trọt và 10 hộ dân nhận xét sử dụng được cho nuôi trồng thủy sản.

- Hệ thống thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh (188 phiếu khảo sát): có 144 hộ dân nhận xét chất lượng nước kênh sử dụng được cho trồng trọt, 04 hộ dân nhận xét sử dụng được cho chăn nuôi, 27 hộ dân nhận xét sử dụng được cho lâm nghiệp và 13 hộ nhận xét sử dụng được cho nuôi trồng thủy sản.

- Hệ thống thủy lợi Nam Rạch Tra (22 phiếu khảo sát): có 14 hộ dân nhận xét chất lượng nước kênh sử dụng được cho trồng trọt, 04 hộ dân nhận xét sử dụng được cho nuôi trồng thủy sản, 02 hộ dân nhận xét sử dụng được cho chăn nuôi và 02 hộ dân nhận xét sử dụng được cho hoạt động sản xuất muối.

- Hệ thống thủy lợi Cây Xanh - Bà Bép (24 phiếu khảo sát): có 18 hộ dân nhận xét chất lượng nước kênh sử dụng được cho trồng trọt, 03 hộ dân nhận xét sử dụng được cho chăn nuôi và 03 hộ dân nhận xét sử dụng được cho nuôi trồng thủy sản.

- Hệ thống thủy lợi đê bao bờ hữu ven sông Sài Gòn (97 phiếu khảo sát): có 77 hộ dân nhận xét chất lượng nước kênh sử dụng được cho trồng trọt, 09 hộ dân nhận xét sử dụng được cho chăn nuôi, 07 hộ dân nhận xét sử dụng được cho nuôi trồng thủy sản và 02 hộ dân nhận xét sử dụng được cho hoạt động sản xuất sản xuất nông nghiệp khác; có 02 hộ dân tổ 6, ấp Bốn Phú, xã Trung An, huyện Củ Chi nhận xét chất lượng nước không sử dụng được cho trồng trọt.

- Hệ thống thủy lợi huyện Hóc Môn (87 phiếu khảo sát): có 71 hộ dân nhận xét chất lượng nước kênh sử dụng được cho trồng trọt, 12 hộ dân nhận xét sử dụng được cho nuôi trồng thủy sản, 01 hộ dân nhận xét sử dụng được cho lâm nghiệp và 03 hộ dân nhận xét sử dụng được cho hoạt động sản xuất nông nghiệp khác.

- Hệ thống thủy lợi Nam Bình Chánh (42 phiếu khảo sát): có 31 hộ dân nhận xét chất lượng nước kênh sử dụng được cho hoạt động trồng trọt, 07 hộ dân nhận xét sử dụng được cho chăn nuôi; có 04 hộ dân ở ấp 3, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh nhận xét chất lượng nước kênh không sử dụng được cho hoạt động trồng trọt.

- Hệ thống thủy lợi huyện Cần Giờ (120 phiếu khảo sát): có 106 hộ dân nhận xét chất lượng nước kênh sử dụng được cho nuôi trồng thủy sản và 14 hộ dân nhận xét sử

dụng được cho hoạt động sản xuất muối.

b) Nhu cầu của tổ chức

Trong 368 tổ chức được khảo sát, có 160 tổ chức sử dụng nước từ các công trình thủy lợi cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và 208 tổ chức không sử dụng nước từ các công trình thủy lợi để phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Kết quả khảo sát 160 tổ chức về chất lượng nước công trình thủy lợi cho thấy: có 141 tổ chức đánh giá chất lượng nước bình thường và 19 tổ chức đánh giá chất lượng nước bị ô nhiễm. Nguyên nhân chính ảnh hưởng đến chất lượng nước theo ý kiến các tổ chức là do nước thải của các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, nước thải sinh hoạt khu dân cư, nước thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, giết mổ gia súc và nước thải từ hoạt động khác. Kết quả khảo sát thể hiện như sau:

- Hệ thống thủy lợi Kênh Đông Củ Chi (57 phiếu khảo sát): có 42 tổ chức dùng nước cho hoạt động trồng trọt, 13 tổ chức dùng nước cho nuôi trồng thủy sản, 01 tổ chức dùng nước cho chăn nuôi và 01 tổ chức dùng nước cho lâm nghiệp nhận xét chất lượng nước bình thường.

- Hệ thống thủy lợi Tân Thạnh Đông - Củ Chi (11 phiếu khảo sát): có 11 tổ chức dùng nước cho hoạt động trồng trọt nhận xét chất lượng nước bình thường.

- Hệ thống thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh (46 phiếu khảo sát): có 39 tổ chức dùng nước cho hoạt động trồng trọt, trong đó: có 22 tổ chức nhận xét chất lượng nước bình thường, 15 tổ chức nhận xét chất lượng nước bị ô nhiễm và 02 tổ chức ý kiến khác; có 07 tổ chức dùng nước cho lâm nghiệp nhận xét chất lượng bình thường.

- Hệ thống thủy lợi đê bao bờ hữu ven sông Sài Gòn (03 phiếu khảo sát): có 03 tổ chức sử dụng nước cho hoạt động trồng trọt nhận xét chất lượng nước bình thường (02 tổ chức ở HTTL Bến Mương Láng The, 01 tổ chức ở HTTL Thai Thai - Bến Súc).

- Hệ thống thủy lợi Nam Rạch Tra (19 phiếu khảo sát): có 19 tổ chức sử dụng nước cho hoạt động trồng trọt, trong đó: 18 tổ chức nhận xét chất lượng nước bình thường và 01 tổ chức nhận xét chất lượng nước bị ô nhiễm.

- Hệ thống thủy lợi huyện Cần Giờ (24 phiếu khảo sát): có 24 tổ chức sử dụng nước cho hoạt động nuôi trồng thủy sản, trong đó: có 21 tổ chức nhận xét chất lượng nước bình thường và 03 tổ chức nhận xét chất lượng nước bị ô nhiễm.

### 2.3. Kết quả điều tra nguồn thải

Trong phạm vi đề án, thực hiện điều tra khảo sát và lấy mẫu 300 nguồn thải xả vào các hệ thống công trình thủy lợi, các vị trí khảo sát chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Về phân loại đối tượng xả thải, trong 300 nguồn thải có 96 mẫu là nước thải từ sản xuất công nghiệp kết hợp với nước thải sinh hoạt, 131 mẫu nước thải từ sinh hoạt, 40 mẫu nước thải từ sinh hoạt kết hợp sản xuất nông nghiệp, 26 mẫu nước thải từ chăn nuôi, 07 mẫu nước thải từ nuôi trồng thủy sản.

Về lưu lượng nguồn thải: đa số các nguồn thải có lưu lượng nhỏ hơn  $5\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm (chiếm 253/300 mẫu), 19 nguồn thải có lưu lượng từ  $5-10\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm, 8 nguồn thải có lưu lượng từ  $10 - 30\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm và 20 nguồn thải có lưu lượng lớn hơn  $30\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm. Trong đó, đa số các nguồn thải đều chưa có giấy phép xả thải theo quy định, chỉ có 23/300 tổ chức/các nhân có giấy phép xả thải.

Về kết quả phân tích 300 mẫu nước thải xả vào các công trình thủy lợi cho thấy: có 198 mẫu/300 mẫu (tỷ lệ 66%) không đạt Quy chuẩn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (loại B - xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt); trong đó, các chỉ tiêu không đạt chủ yếu là Nhu cầu oxy hóa học (COD), Nhu cầu oxy sinh hóa ( $\text{BOD}_5$ ), Coliform, Dầu mỡ khoáng, Amoni (chiếm tỷ lệ từ 20 - 38% số mẫu).

Kết quả phân tích các mẫu nước thải trên địa bàn huyện Hóc Môn và Bình Chánh có số mẫu không đạt Quy chuẩn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (loại B) cao hơn so với trên địa bàn huyện Củ Chi, cụ thể: huyện Hóc Môn có 30/35 mẫu (tỷ lệ 85,7%), huyện Bình Chánh 135/184 mẫu (tỷ lệ 73,4%), huyện Củ Chi 26/77 mẫu (tỷ lệ 33,8%). Trên địa bàn huyện Củ Chi, các mẫu nước thải không đạt Quy chuẩn cho phép tập trung chủ yếu tại các tuyến kênh TC2-5, T43, T31A-17, T31A-27, T31A-13, TC2-18A, T25-16, kênh Thầy Cai thuộc hệ thống công trình thủy lợi Kênh Đông Củ Chi; rạch Ngọn Đất Huấn, rạch Hàng Mướp, kênh tiêu Tân Quy thuộc hệ thống công trình thủy lợi Cây Xanh - Bà Bếp (Bắc Rạch Tra). Trên địa bàn huyện Hóc Môn, các mẫu nước thải không đạt Quy chuẩn cho phép tập trung chủ yếu tại các tuyến kênh Liên Vùng, Trung Ương, T1, T2, T3, rạch Bà Thôn 2, rạch Cầu Sáng thuộc hệ thống công trình thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh. Trên địa bàn huyện Bình Chánh, các mẫu nước thải không đạt Quy chuẩn cho phép tập trung chủ yếu tại các tuyến kênh Ranh Long An, An Hạ, Trung Ương, kênh B, kênh C, NT7, NT4-3, NT8A, NT5, NT6-1, T14, kênh Lô 2, rạch Cái Trung, rạch Cầu Suối thuộc hệ thống công trình thủy lợi Hóc



Môn - Bắc Bình Chánh; kênh Giao Thông Hào, kênh Hưng Long Quy Đức thuộc hệ thống thủy lợi huyện Bình Chánh.

#### 2.4. Đánh giá diễn biến chất lượng nguồn nước công trình thủy lợi

Nhằm đánh giá tình hình, diễn biến chất lượng nguồn nước mặt các hệ thống công trình thủy lợi, trong phạm vi đề án, thực hiện lấy 400 mẫu nước mặt tại các vị trí khảo sát thuộc các hệ thống công trình thủy lợi, chi tiết các vị trí khảo sát xem ở phần Phụ lục đính kèm. Các thông số quan trắc chất lượng nguồn nước mặt được so sánh với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT (loại B1 - dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự).

Kết quả quan trắc chất lượng nước cho thấy: có 9/19 chỉ tiêu chất lượng nước tại 400 vị trí lấy mẫu nước trong các hệ thống công trình thủy lợi có giá trị không đạt Quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT (loại B1), bao gồm các chỉ tiêu: Nhu cầu oxy hóa học (COD), Nhu cầu oxy sinh hóa ( $BOD_5$ ), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni ( $N-NH_4^+$  tính theo N), Photphat ( $PO_4^{3-}$  tính theo P), Clorua ( $Cl^-$ ), Vi sinh (Coliform, E. Coli) và Kim loại nặng (Mangan, Sắt). Trong đó, các chỉ tiêu  $BOD_5$ , Amoni ( $N-NH_4^+$ ) và Sắt có số lượng vượt Quy chuẩn nhiều nhất chiếm tới 50% - 70% tổng số lượng mẫu. Hệ thống công trình thủy lợi có các chỉ tiêu chất lượng nước không đạt quy chuẩn và có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ nặng như hệ thống công trình thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh.

Ngoài việc đánh giá diễn biến chất lượng nước thông qua so sánh các chỉ tiêu chất lượng nước với Quy chuẩn cho phép, trong Đề án này cũng sử dụng cách tính chỉ số WQI để xếp loại chất lượng nguồn nước mặt, áp dụng phương pháp tính chỉ số VN-WQI của Tổng cục Môi trường (Quyết định số 1460//QĐ-TCMT ngày 12 tháng 11 năm 2019 về việc ban hành Hướng dẫn kỹ thuật tính toán và công bố chỉ số chất lượng nước Việt Nam).

Kết quả đánh giá diễn biến chất lượng nước các hệ thống công trình thủy lợi cụ thể như sau:

##### a) Hệ thống thủy lợi kênh Đông Củ Chi

Trong 81 vị trí lấy mẫu nước mặt hệ thống thủy lợi kênh Đông Củ Chi, có 5 mẫu lấy trên trục Kênh Chính Đông - N46 có nhiệm vụ cấp nước sinh hoạt. Kết quả phân tích 5/81 mẫu nước mặt so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT loại A2 cho thấy: đa số các chỉ tiêu phân tích đều đạt giới hạn cho phép loại A2, có 6/19 chỉ tiêu ( $BOD_5$ ,

COD, DO,  $\text{NH}_4^+$ ,  $\text{PO}_4^{3-}$ , Fe) không đạt quy chuẩn. Trong đó, tất cả (100%) các mẫu đều có chỉ tiêu DO vượt chuẩn, 3/5 (60%) mẫu có các chỉ tiêu  $\text{BOD}_5$ , COD và  $\text{NH}_4^+$  vượt chuẩn (vị trí Kênh Đông xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, vị trí kênh N46 thuộc xã Tân An Hội và xã Tân Phú Trung huyện Củ Chi), 2/5 (40%) mẫu có chỉ tiêu  $\text{PO}_4^{3-}$  vượt chuẩn (kênh N46 thuộc xã Tân An Hội và xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi), 1/5 (20%) mẫu có chỉ tiêu Fe vượt chuẩn (kênh N46 thuộc xã Tân An Hội), các chỉ tiêu kim loại nặng còn lại đều đạt quy quy chuẩn. Tuy nhiên, các mẫu chỉ lấy tại một thời điểm nhất định và số lượng không nhiều, chưa phân bố đại diện cho toàn tuyến kênh, nên kết quả đưa ra không tránh khỏi các sai số và cần cần kiểm chứng thêm trên thực tế ở các nghiên cứu cụ thể hơn.

Kết quả phân tích 76/81 mẫu nước mặt còn lại trên các tuyến kênh có nhiệm vụ tưới tiêu cho nông nghiệp thuộc hệ thống thủy lợi kênh Đông Củ Chi so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT loại B1 cho thấy: có 8/19 chỉ tiêu ( $\text{BOD}_5$ , COD,  $\text{NH}_4^+$ ,  $\text{PO}_4^{3-}$ , Mn, Fe, Coliform, E.coli) không đạt quy chuẩn. Trong đó, 41/76 (54%) mẫu có chỉ tiêu  $\text{BOD}_5$  và COD vượt chuẩn (vị trí kênh Thầy Cai, kênh N38-7, kênh N38-5A, kênh N31A, kênh N43-6, rạch Bến Mương, kênh Đức Lập, kênh Xáng, kênh N25B, kênh N25-5, kênh N25-2, kênh N25, kênh N44, kênh N46-6, kênh N46-12, kênh N46-2-1, kênh N38-7-11, kênh N46-14, kênh N38-5-5, kênh N38-11B, kênh N25-7B, kênh N31A-13, kênh N31A-27, kênh N31A-17, kênh N25-2-1B, kênh N25-16, kênh N25-14, kênh N25-18, kênh N43-1, kênh N43-2, kênh N25-2-7, kênh TC2-4, kênh N28, kênh N36, kênh N40, kênh N35, kênh N37, kênh N38-1, kênh N38-8) cho thấy hệ thống đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ, có 3/76 (4%) mẫu có chỉ tiêu vi sinh Coliform vượt chuẩn (vị trí kênh N25-5, kênh N25-2-1B, kênh N38-1), có 25% mẫu có chỉ tiêu Fe vượt chuẩn (vị trí kênh Thầy Cai, kênh Suối Sâu, rạch Bến Mương, kênh Đức Lập, kênh Xáng, kênh N25-5, kênh N38-7-11, kênh N38-11B, kênh N38-5B, kênh N25-2-1B, kênh N25-18, kênh TC2-4, kênh N28, kênh N38-5, kênh N39, kênh N38-1, kênh N38-8), có 1,3% mẫu (1 mẫu) có chỉ tiêu Mn vượt chuẩn (vị trí kênh N38-1 xã Phước Thạnh), riêng các chỉ tiêu kim loại nặng còn lại đều đạt quy chuẩn.

Kết quả tính toán chỉ số WQI hệ thống thủy lợi Kênh Đông Củ Chi như sau:

- Rất tốt (WQI 91-100): 12 vị trí tương đương 15% tổng số vị trí lấy mẫu.
- Tốt (WQI 76-90): 27 vị trí tương đương 33% tổng số vị trí lấy mẫu.
- Trung bình (WQI 51-75): 38 vị trí tương đương 47% tổng số vị trí lấy mẫu.
- Xấu/kém (WQI 26-50): 3 vị trí tương đương 4% tổng số vị trí lấy mẫu (vị trí 1

nằm ở Kênh N25-5 thuộc xã An Phú, huyện Củ Chi; vị trí 2 ở Kênh N25-5-1B thuộc xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi; vị trí 3 ở Kênh N38-1 tính thuộc xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi.

- Ô nhiễm rất nặng (WQI <10): 1 vị trí tương đương 1% tổng vị trí lấy mẫu (vị trí ghi nhận kết quả WQI ô nhiễm rất nặng là mẫu nước lấy tại vị trí lấy mẫu nằm ở Kênh tiêu TC2-4 thuộc xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi).

Kết quả tính toán cho thấy: Hệ thống thủy lợi kênh Đông Củ Chi có chất lượng nước tốt, mặc dù có thời điểm các chỉ tiêu vi sinh không đạt do nguồn nước từ hồ Dầu Tiếng bị ô nhiễm. Nguồn nước cấp cho mục đích tưới và Nhà máy nước Kênh Đông lấy trực tiếp từ hệ thống kênh tưới nên nhìn chung chất lượng nước vẫn đảm bảo. Một số tuyến kênh tưới cấp 2, 3 và nội đồng do có bờ kênh thấp, sạt lở và đi qua vùng trũng nên khi xảy ra mưa lớn, nước mưa kèm theo chất ô nhiễm chảy tràn vào hệ thống kênh tưới làm suy giảm chất lượng nước trong kênh tưới. Mặt khác, các kênh tiêu đang có dấu hiệu bị ô nhiễm hữu cơ do tiếp nhận nước hồi quy từ mặt ruộng và tiếp nhận một phần nước thải từ quá trình sinh hoạt, chăn nuôi, sản xuất của người dân trong khu vực.

#### b) Hệ thống thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh

Kết quả phân tích 51 mẫu nước mặt hệ thống thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh cho thấy có 9/19 chỉ tiêu (BOD<sub>5</sub>, COD, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, CL<sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, Mn, Fe, Coliform, E.coli) không đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT loại B1. Trong đó, 84% mẫu có chỉ tiêu BOD<sub>5</sub> và COD vượt chuẩn cho thấy hệ thống đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ, có 5/51 (10%) mẫu có chỉ tiêu vi sinh Coliform vượt chuẩn, có 32/51 (62,7%) mẫu có chỉ tiêu Fe vượt chuẩn, có 43/51 (84,3%) mẫu có chỉ tiêu Mn vượt chuẩn, riêng các chỉ tiêu kim loại nặng còn lại đều đạt quy chuẩn.

Kết quả tính toán chỉ số WQI hệ thống thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh như sau:

- Tốt (WQI 76 - 90): 12 vị trí tương đương 23% tổng số vị trí lấy mẫu.
- Trung bình (WQI 51 - 75): 35 vị trí tương đương 69% tổng số vị trí lấy mẫu.
- Xấu/kém (WQI 26 - 50): 4 vị trí tương đương 8% tổng số vị trí lấy mẫu (vị trí 1 ở Rạch Cầu Suối thuộc xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh; vị trí 2 tại vị trí Kênh C18 thuộc xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh; vị trí 3 ở Kênh B10 thuộc xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh; vị trí 4 là mẫu nước lấy tại vị trí ở Kênh C thuộc phường

Tân Tạo, Quận Bình Tân).

Kết quả tính toán cho thấy: không có vị trí có chỉ số WQI ở mức ô nhiễm hoặc ô nhiễm nặng.

c) Hệ thống thủy lợi Tân Thạnh Đông - huyện Củ Chi

Kết quả phân tích 31 mẫu nước mặt hệ thống thủy lợi Tân Thạnh Đông cho thấy có 6/19 chỉ tiêu ( $BOD_5$ , COD,  $NH_4^+$ ,  $PO_4^{3-}$ , Mn, Fe) không đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT loại B1. Trong đó, 87% mẫu có chỉ tiêu  $BOD_5$  vượt chuẩn, 94% mẫu có chỉ tiêu COD vượt chuẩn, 71% mẫu có chỉ tiêu  $NH_4^+$  vượt chuẩn cho thấy hệ thống đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ, có 100% mẫu có chỉ tiêu Fe vượt chuẩn, có 4/31 (13%) mẫu có chỉ tiêu Mn vượt chuẩn, riêng các chỉ tiêu kim loại nặng còn lại đều đạt quy chuẩn.

Kết quả tính toán chỉ số WQI hệ thống thủy lợi Tân Thạnh Đông - huyện Củ Chi như sau:

- Tốt (WQI 76 - 90): 2 vị trí tương đương 6% tổng số vị trí lấy mẫu.
- Trung bình (WQI 51 - 75): 29 vị trí tương đương 94% tổng số vị trí lấy mẫu.

Kết quả tính toán cho thấy: không có vị trí có chỉ số WQI ở mức ô nhiễm hoặc ô nhiễm nặng.

d) Hệ thống thủy lợi rạch Cây Xanh - Bà Bép

Kết quả phân tích 40 mẫu nước mặt hệ thống thủy lợi Cây Xanh - Bà Bép cho thấy có 6/19 chỉ tiêu ( $BOD_5$ , COD,  $NH_4^+$ ,  $PO_4^{3-}$ , Fe, Coliform) không đạt tiêu chuẩn nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT loại B1. Trong đó, khoảng 90% mẫu có chỉ tiêu  $BOD_5$  và COD vượt chuẩn, 60% mẫu có chỉ tiêu  $NH_4^+$  vượt chuẩn cho thấy hệ thống đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ, có 2/40 (5%) mẫu có chỉ tiêu vi sinh Coliform vượt chuẩn, có 37/40 (93%) mẫu có chỉ tiêu Fe vượt chuẩn, riêng các chỉ tiêu kim loại nặng còn lại đều đạt quy chuẩn.

Kết quả tính toán chỉ số WQI hệ thống thủy lợi Cây Xanh - Bà Bép (Bắc Rạch Tra) như sau:

- Tốt (WQI 76 - 90): 11 vị trí tương đương 27% tổng số vị trí lấy mẫu.
- Trung bình (WQI 51 - 75): 27 vị trí tương đương 68% tổng số vị trí lấy mẫu
- Xấu/kém (WQI 26 - 50): 2 vị trí tương đương 5% tổng số vị trí lấy mẫu (vị trí 1 lấy tại Rạch Mương Đào thuộc xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi; vị trí 2 ở Rạch Tra

thuộc xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi).

Kết quả tính toán cho thấy: không có vị trí có chỉ số WQI ở mức ô nhiễm hoặc ô nhiễm nặng.

đ) Hệ thống thủy Nam Rạch Tra

Kết quả phân tích 40 mẫu nước mặt hệ thống thủy lợi Nam Rạch Tra cho thấy có 7/19 chỉ tiêu ( $BOD_5$ , COD,  $NH_4^+$ ,  $PO_4^{3-}$ , Mn, Fe, Coliform, E.coli) không đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT loại B1. Trong đó, các chỉ tiêu  $BOD_5$ , COD và Amoni ( $NH_4^+$ ) có số lượng vượt chuẩn nhiều nhất (chiếm từ 75-90% số mẫu) cho thấy hệ thống đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ, có 4/40 (10%) mẫu có chỉ tiêu Coliform và 6/40 (15%) mẫu có chỉ tiêu E.coli vượt quy chuẩn, có 37/40 (93%) mẫu có chỉ tiêu Fe vượt chuẩn, riêng các chỉ tiêu kim loại nặng còn lại đều đạt quy chuẩn.

Kết quả tính toán chỉ số WQI hệ thống thủy lợi Nam Rạch Tra như sau:

- Tốt (WQI 76 - 90): 6 vị trí tương đương 15% tổng số vị trí lấy mẫu.
- Trung bình (WQI 51 - 75): 28 vị trí (70%) tổng số vị trí lấy mẫu
- Xấu/kém (WQI 26 - 50): 6 vị trí tương đương 15% tổng số vị trí lấy mẫu (vị trí 1 ở Rạch Bến Cát thuộc phường Thạnh Xuân, Quận 12; vị trí 2 ở Rạch Sâu thuộc phường Thạnh Xuân, Quận 12; vị trí 3 ở Rạch Tư Trang 2 thuộc phường Thạnh Lộc, Quận 12; vị trí 4 ở Rạch Đất Sét thuộc phường Thạnh Lộc, Quận 12; vị trí 5 tại Rạch Tư Trang thuộc phường An Phú Đông, Quận 12; vị trí 6 ở Rạch Bà The thuộc phường Thạnh Xuân, Quận 12).

Kết quả tính toán cho thấy: không có vị trí có chỉ số WQI ở mức ô nhiễm hoặc ô nhiễm nặng.

e) Hệ thống thủy lợi huyện Hóc Môn

Kết quả phân tích 35 mẫu nước mặt hệ thống thủy lợi huyện Hóc Môn cho thấy có 7/19 chỉ tiêu ( $BOD_5$ , COD,  $NH_4^+$ ,  $PO_4^{3-}$ , Fe, Coliform, E.coli) không đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT loại B1. Trong đó, các chỉ tiêu  $BOD_5$ , COD và Amoni ( $NH_4^+$ ) có số lượng vượt chuẩn nhiều nhất (chiếm từ 80-83% số mẫu) cho thấy hệ thống đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ, có 3/35 (9%) mẫu có chỉ tiêu Coliform và 1/35 (3%) mẫu có chỉ tiêu E.coli vượt quy chuẩn, có 31/35 (89%) mẫu có chỉ tiêu Fe vượt quy chuẩn, các chỉ tiêu kim loại nặng còn lại đều đạt quy chuẩn.

Kết quả tính toán chỉ số WQI hệ thống thủy lợi huyện Hóc Môn như sau:

- Tốt (WQI 76 - 90): 5 vị trí tương đương 14% tổng số vị trí lấy mẫu.
- Trung bình (WQI 51 - 75): 27 vị trí (77%) tổng số vị trí lấy mẫu
- Xấu/kém (WQI 26 - 50): 3 vị trí tương đương 9% tổng số vị trí lấy mẫu (vị trí 1 ở Rạch Cầu Sa thuộc xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn; vị trí 2 ở Kênh tiêu liên xã thuộc xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn; vị trí 3 ở Rạch Hóc Môn thuộc xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn).

Kết quả tính toán cho thấy: không có vị trí có chỉ số WQI ở mức ô nhiễm hoặc ô nhiễm nặng.

#### g) Hệ thống thủy lợi huyện Bình Chánh

Kết quả phân tích 42 mẫu nước mặt hệ thống thủy lợi huyện Bình Chánh cho thấy có 5/19 chỉ tiêu ( $BOD_5$ , COD,  $NH_4^+$ ,  $PO_4^{3-}$ , Fe) không đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT loại B1. Trong đó, 36% mẫu có chỉ tiêu  $BOD_5$  vượt chuẩn, 43% mẫu có chỉ tiêu COD vượt chuẩn, 67% mẫu có chỉ tiêu  $NH_4^+$  vượt chuẩn cho thấy hệ thống đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ, có 22/42 (52%) mẫu có chỉ tiêu Fe vượt chuẩn, các chỉ tiêu kim loại nặng còn lại đều đạt quy chuẩn.

Kết quả tính toán chỉ số WQI hệ thống thủy lợi huyện Bình Chánh như sau:

- Tốt (WQI 76 - 90): 15 vị trí/tổng số vị trí lấy mẫu (36%).
- Trung bình (WQI 51 - 75): 27 vị trí/tổng số vị trí lấy mẫu (64%).

Kết quả tính toán WQI cho thấy: chất lượng nước tại hệ thống thủy lợi huyện Bình Chánh tương đối tốt, không ghi nhận vị trí quan trắc có chỉ số ở mức xấu, ô nhiễm hoặc ô nhiễm nặng.

#### h) Hệ thống thủy lợi huyện Cần Giờ

Kết quả phân tích 41 mẫu nước mặt hệ thống thủy lợi huyện Cần Giờ cho thấy có 4/19 chỉ tiêu ( $BOD_5$ , COD,  $Cl^-$ , Fe) không đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT loại B1. Trong đó, tất cả (100%) các mẫu đều có chỉ tiêu  $Cl^-$  vượt chuẩn, có 63% mẫu có chỉ tiêu  $BOD_5$  vượt chuẩn, có 61% mẫu có chỉ tiêu COD vượt chuẩn cho thấy hệ thống đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ, có 8/41 (20%) mẫu có chỉ tiêu Fe vượt chuẩn, các chỉ tiêu kim loại nặng còn lại đều đạt quy chuẩn.

Kết quả tính toán chỉ số WQI hệ thống thủy lợi huyện Cần Giờ như sau:

- Rất tốt (WQI 91 - 100): 5 vị trí tương đương 12% tổng số vị trí lấy mẫu.
- Tốt (WQI 76 - 90): 35 vị trí tương đương 85% tổng số vị trí lấy mẫu.

- Trung bình (WQI 51 - 75): 1 vị trí tương đương 2% tổng số vị trí lấy mẫu (vị trí 1 có kết quả WQI trung bình là mẫu nước lấy tại vị trí ở Sông Nhà Bè thuộc xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ).

Kết quả tính toán WQI cho thấy chất lượng nước tại hệ thống thủy lợi huyện Cần Giờ khá tốt, không ghi nhận vị trí quan trắc có chỉ số ở mức xấu, ô nhiễm hoặc ô nhiễm nặng, chỉ ghi nhận 1 vị trí quan trắc có chỉ số WQI ở mức trung bình.

i) Hệ thống thủy lợi đê bao bờ hữu sông Sài Gòn

Kết quả phân tích 26 mẫu nước mặt tại các hệ thống thủy lợi đê bao bờ hữu sông Sài Gòn cho thấy có 7/19 chỉ tiêu ( $BOD_5$ , COD,  $NH_4^+$ ,  $PO_4^{3-}$ , Mn, Fe, Coliform) không đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT loại B1. Trong đó, có 10/26 (39%) mẫu có chỉ tiêu  $BOD_5$  vượt chuẩn, có 10/26 (39%) mẫu có chỉ tiêu COD vượt chuẩn, có 2/26 (8%) mẫu có chỉ tiêu  $NH_4^+$  vượt chuẩn, có 1/26 (4%) mẫu có chỉ tiêu  $PO_4^{3-}$  vượt chuẩn cho thấy hệ thống đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ, có 1/26 (4%) mẫu có chỉ tiêu Coliform vượt chuẩn, có 21/26 (81%) mẫu có chỉ tiêu Fe vượt chuẩn, có 1/26 (4%) mẫu có chỉ tiêu Mn vượt chuẩn, các chỉ tiêu kim loại nặng còn lại đều đạt quy chuẩn.

Kết quả tính toán chỉ số WQI hệ thống thủy lợi đê bao bờ hữu sông Sài Gòn như sau:

- Rất tốt (WQI 91 - 100): 3 vị trí tương đương 12% tổng số vị trí lấy mẫu.
- Tốt (WQI 76 - 90): 17 vị trí tương đương 65% tổng số vị trí lấy mẫu.
- Trung bình (WQI 51 - 75): 5 vị trí tương đương 19% tổng số vị trí lấy mẫu.
- Xấu/Kém (WQI 26 - 50): 1 vị trí tương đương 4% tổng số vị trí lấy mẫu (vị trí 1 ở Rạch Bà Phước thuộc xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi HTTL An Phú-Phú Mỹ Hưng)

Kết quả tính toán cho thấy: không có vị trí quan trắc có chỉ số WQI ở mức ô nhiễm hoặc ô nhiễm nặng.

k) Các hệ thống thủy lợi khác (Công trình 5 cống ngăn triều, Suối Nhum - Suối Cái, Tham Lương - Bến Cát - Rạch Nước Lên)

Kết quả phân tích 13 mẫu nước mặt tại các hệ thống thủy lợi khác cho thấy có 8/19 chỉ tiêu ( $BOD_5$ , COD,  $NH_4^+$ ,  $PO_4^{3-}$ , Mn, Fe, Coliform, E.coli) không đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT loại B1. Trong đó, có 10/13 (77%) mẫu có chỉ tiêu  $BOD_5$  vượt

chuẩn, có 10/13 (77%) mẫu có chỉ tiêu COD vượt chuẩn, có 12/13 (92%) mẫu có chỉ tiêu  $\text{NH}_4^+$  vượt chuẩn, có 8/13 (62%) mẫu có chỉ tiêu  $\text{PO}_4^{3-}$  vượt chuẩn cho thấy hệ thống đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ, có 4/13 (31%) mẫu có chỉ tiêu Coliform vượt chuẩn, có 11/13 (85%) mẫu có chỉ tiêu Fe vượt chuẩn, có 3/13 (23%) mẫu có chỉ tiêu Mn vượt chuẩn, các chỉ tiêu kim loại nặng còn lại đều đạt quy chuẩn.

Kết quả tính toán chỉ số WQI đối với 13 mẫu thu thập tại một số hệ thống thủy lợi như sau:

- Tốt (WQI 76 - 90): 2 vị trí tương đương 15% tổng số vị trí lấy mẫu.
- Trung bình (WQI 51 - 75): 7 vị trí tương đương 54% tổng số vị trí lấy mẫu.

- Xấu/Kém (WQI 26 - 50): 4 vị trí tương đương 31% tổng số vị trí lấy mẫu (vị trí 1 ở Rạch Suối Nhum tại P. Tân Phú, TP. Thủ Đức thuộc HTTL Suối Nhum - Suối Cái; vị trí 2 ở kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên tại P. Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân thuộc HTTL Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên; vị trí 3 ở Rạch Ông Búp, P. Tân Tạo, Quận Bình Tân thuộc HTTL Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên; vị trí 4 ở Kênh Tham Lương - Bến Cát - Rạch Nước Lên, P. Tân Hưng Thuận, Quận 12 thuộc HTTL Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên).

Kết quả tính toán cho thấy: không có vị trí có chỉ số WQI ở mức ô nhiễm hoặc ô nhiễm nặng.

### **3. Đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi**

Trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá hiện trạng, phân tích nguyên nhân, thách thức và dự báo những nguy cơ trong việc bảo vệ, phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm và suy thoái chất lượng nước trong công trình thủy lợi, cũng như những yêu cầu về chất lượng nguồn nước công trình thủy lợi, đặc biệt đối với hệ thống thủy lợi cấp nước phục vụ sinh hoạt; Đề án đã đề xuất những giải pháp công trình và phi công trình nhằm hạn chế, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi, tiến tới đảm bảo chất lượng nguồn cấp nước đáp ứng yêu cầu của sản xuất, dân sinh ở hiện tại và an toàn trong tương lai thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu. Các giải pháp thực hiện mang tính đồng bộ, khoa học, hiệu quả, có trọng điểm, ưu tiên theo từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

#### **Giai đoạn 2023 - 2025:**



a) Giải pháp phi công trình, bao gồm:

- Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào kiểm soát, giám sát ô nhiễm nguồn nước.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực các cơ quan quản lý, đơn vị chức năng về kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý vi phạm, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

- Tổ chức thống kê các nguồn xả thải theo định kỳ.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về hiện trạng chất lượng nước; thông tin nguồn thải tình hình vi phạm và xử lý vi phạm về xả nước thải gây ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi; tình hình cấp phép và thực hiện giấy phép đối với các nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi.

- Công khai hóa các thông tin, dữ liệu liên quan đến tình hình ô nhiễm và các tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm nguồn nước công trình thủy lợi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Xây dựng, hoàn thiện quy trình vận hành các hệ thống công trình thủy lợi; quy trình vận hành phối hợp giữa các hệ thống công trình thủy lợi có xét đến điều tiết giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước.

- Tăng cường hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo vận hành hợp lý các công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý khai thác sử dụng và giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước hệ thống công trình thủy lợi.

- Học tập mô hình công nghệ tiên tiến, các thành tựu khoa học công nghệ và những kinh nghiệm về quản lý của các nước phát triển tạo điều kiện các cơ quan quản lý, đơn vị chức năng nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

b) Giải pháp công trình, bao gồm:

- Xây dựng hệ thống giám sát và lưu trữ thông tin SCADA, từng bước tự động hóa công tác quan trắc, cập nhật số liệu mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trên các tuyến kênh trong các công trình thủy lợi. Trong đó, ưu tiên xây dựng và đưa vào

vận hành hệ thống quan trắc chất lượng nước tự động trên hệ thống công trình thủy lợi Kênh Đông Củ Chi (08 vị trí), Hóc Môn - Bắc Bình Chánh (08 vị trí).

- Thường xuyên sửa chữa, nâng cấp công trình góp phần tăng lưu lượng tưới tiêu, đồng thời cải thiện môi trường sinh thái và chất lượng nguồn nước trên hệ thống công trình thủy lợi.

#### **Định hướng đến năm 2030:**

- Hoàn thành cơ bản việc lắp đặt hệ thống quan trắc tự động các tuyến kênh chính thuộc hệ thống thủy lợi Kênh Đông - Củ Chi phục vụ cấp nước sản xuất nông nghiệp và các hệ thống công trình thủy lợi khác trên địa bàn Thành phố.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát nguồn thải, giám sát chặt chẽ và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm về xả nước thải vào công trình thủy lợi.

#### **V. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN**

Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý đã đề xuất được các giải pháp công trình và phi công trình nhằm kiểm soát, hạn chế, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi, từng bước cải thiện chất lượng nước tiến tới đảm bảo chất lượng nguồn cấp nước đáp ứng yêu cầu của sản xuất, dân sinh ở hiện tại và tương lai.

Việc triển khai Đề án theo định hướng đề ra sẽ là bước đột phá trong bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi nói riêng và chất lượng nước trong các hệ thống sông kênh nói chung trên địa bàn Thành phố, từ đó hỗ trợ các cơ quan quản lý, các ngành sản xuất, các tổ chức, doanh nghiệp chủ động được nguồn nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội.

Ngoài ra, việc triển khai Đề án cho thấy hiện trạng chất lượng nước công trình thủy lợi đang bị suy giảm gây khó khăn cho công tác điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, tưới tiêu, ngăn mặn, xỏ phèn, làm giảm hiệu quả sản xuất nông nghiệp và gây ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, sức khỏe của người dân, do đó đòi hỏi có sự chỉ đạo chặt chẽ của các sở, ban ngành cũng như sự tham gia vào cuộc của chính quyền địa phương và nhân dân trên địa bàn có công trình thủy lợi.

#### **VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

##### **1. Triển khai thực hiện pháp luật về thủy lợi**

- Tổ chức triển khai các văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi. rà soát, tổng hợp những nội dung còn vướng mắc và kiến nghị cơ quan cấp trên hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý vi phạm, bảo vệ chất lượng nước công trình thủy lợi.

## **2. Tổ chức thống kê các nguồn xả thải; phối hợp thực hiện việc cấp phép và kiểm tra, giám sát việc xả thải vào công trình thủy lợi**

Các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi chịu trách nhiệm thống kê nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý, định kỳ 06 tháng 01 lần gửi báo cáo đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phối hợp giám sát việc thực hiện giấy phép môi trường của các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào công trình thủy lợi và báo cáo đột xuất khi có sự cố phát sinh, khi phát hiện các nguồn nước xả thải mới có mức độ ảnh hưởng lớn hoặc khi phát hiện các hành vi vi phạm của chủ nguồn xả thải.

## **3. Truyền thông nâng cao nhận thức**

- Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào kiểm soát, giám sát ô nhiễm nguồn nước.

- Tổ chức thực hiện thông tin, truyền thông định kỳ về thực trạng chất lượng nước, tình hình vi phạm và xử lý vi phạm. Công khai hóa các thông tin, dữ liệu liên quan đến tình hình ô nhiễm và các tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm nguồn nước công trình thủy lợi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức tuyên truyền, đào tạo, tập huấn về nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

## **4. Tăng cường các biện pháp quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm**

- Tổ chức quan trắc, theo dõi diễn biến chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi được giao quản lý.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về hiện trạng chất lượng nước; thông tin nguồn thải; tình hình vi phạm và xử lý vi phạm về xả nước thải gây ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi; tình hình cấp phép và thực hiện giấy phép đối với các nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra và kiến nghị xử lý vi phạm xả nước thải vào công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

### **5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, tập trung các giải pháp công trình để phục vụ công tác giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước công trình thủy lợi**

- Xây dựng hệ thống giám sát và lưu trữ thông tin SCADA, từng bước tự động hóa công tác quan trắc, cập nhật số liệu mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trên các tuyến kênh trong các công trình thủy lợi.

- Xây dựng, hoàn thiện quy trình vận hành các hệ thống công trình thủy lợi; quy trình vận hành phối hợp giữa các hệ thống công trình thủy lợi có xét đến điều tiết giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước.

- Tăng cường hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo vận hành hợp lý các công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý khai thác sử dụng và giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước hệ thống công trình thủy lợi.

- Thường xuyên sửa chữa, nâng cấp công trình góp phần tăng lưu lượng tưới tiêu, đồng thời cải thiện môi trường sinh thái và chất lượng nguồn nước trên hệ thống công trình thủy lợi.

- Học tập mô hình công nghệ tiên tiến, các thành tựu khoa học công nghệ và những kinh nghiệm về quản lý của các nước phát triển tạo điều kiện các cơ quan quản lý, đơn vị chức năng nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành “Kế hoạch hành động bảo vệ chất lượng nước công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố” và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

- Tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi. Rà soát, tham mưu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra và kiến nghị xử lý vi phạm xả nước thải vào

công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

- Chủ trì xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về chất lượng nước tại các hệ thống công trình thủy lợi; dữ liệu về tình hình vi phạm và xử lý vi phạm xả nước thải gây ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi; dữ liệu về tình hình cấp phép và thực hiện giấy phép môi trường của các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào công trình thủy lợi.

- Chủ trì tổ chức xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện) trong việc phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý vi phạm, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về quản lý, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

- Xây dựng hệ thống giám sát và lưu trữ thông tin SCADA, từng bước tự động hóa công tác quan trắc, cập nhật số liệu mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trên các tuyến kênh trong các công trình thủy lợi.

- Tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy trình và phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành công trình thủy lợi đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Tăng cường hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo vận hành hợp lý các công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý khai thác sử dụng và giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước hệ thống công trình thủy lợi.

- Chủ trì tham mưu đề xuất việc đầu tư sửa chữa, nâng cấp các hệ thống công trình thủy lợi góp phần tăng lưu lượng tưới tiêu, đồng thời cải thiện môi trường sinh thái và chất lượng nguồn nước trên hệ thống công trình thủy lợi.

## **2. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc kiểm soát, giám sát ô nhiễm nguồn nước.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền các hành vi vi phạm xả nước thải gây ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi. Xử lý kiên quyết, dứt điểm các vụ vi phạm không để tồn tại kéo dài, tái vi phạm.

- Phối hợp cập nhật, chia sẻ cơ sở dữ liệu về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc thuộc hệ thống công trình thủy lợi; dữ liệu về tình hình vi phạm và xử lý vi phạm xả nước thải gây ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi; dữ liệu về tình hình cấp phép và thực hiện giấy phép môi trường của các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào công trình thủy lợi.

### **3. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện**

- Tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường, trong đó khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào kiểm soát, giám sát ô nhiễm nguồn nước.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền các hành vi vi phạm xả nước thải gây ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi. Xử lý kiên quyết, dứt điểm các vụ vi phạm không để tồn tại kéo dài, tái vi phạm.

- Giám sát việc thực hiện giấy phép môi trường của các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý.

- Chịu trách nhiệm thống kê nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý, định kỳ 06 tháng 01 lần gửi báo cáo đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và báo cáo đột xuất khi có sự cố phát sinh, khi phát hiện các nguồn nước xả thải mới có mức độ ảnh hưởng lớn hoặc khi phát hiện các hành vi vi phạm của chủ nguồn xả thải.

- Tổ chức phê duyệt quy trình và phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý.

### **4. Các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi**

- Tuân thủ, thực hiện nghiêm các quy định của Luật Thủy lợi và các văn bản khác có liên quan.

- Chủ động tăng cường giám sát nguồn thải của các nhà máy, xí nghiệp, làng nghề, cơ sở y tế, các cơ sở kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn; chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và sinh hoạt của các hộ dân. Khi phát hiện vi phạm về xả thải vào công trình thủy lợi có trách nhiệm thông báo kịp thời và phối hợp với cấp có thẩm quyền xử lý.

- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi chịu trách nhiệm thống kê nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi thuộc phạm vi

quản lý, định kỳ 06 tháng 01 lần gửi báo cáo đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và báo cáo đột xuất khi có sự cố phát sinh, khi phát hiện các nguồn nước xả thải mới có mức độ ảnh hưởng lớn hoặc khi phát hiện các hành vi vi phạm của chủ nguồn xả thải.

- Thực hiện công tác quan trắc, giám sát chất lượng nước trong công trình thủy lợi, đặc biệt là tại các điểm tiếp nhận nguồn xả nước thải để kiểm soát tình hình ô nhiễm.

- Rà soát điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi trong phạm vi quản lý, đặc biệt là tại các điểm tiếp nhận nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

### **5. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, tổng hợp, đề xuất khả năng cân đối nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của Thành phố cho các dự án để thực hiện Đề án theo quy định của Luật Đầu tư công, phù hợp với khả năng cân đối vốn của Thành phố.

### **6. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách để triển khai thực hiện Đề án này theo quy định./.

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng